

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 879/QĐ-UBND

Bình Dương, ngày 04 tháng 4 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội
huyện Bàu Bàng đến năm 2025.**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

UBND HUYỆN BÀU BÀNG
Số: 2594
Ngày: 21/4/17
Chuyên:
Lưu hồ sơ số: ...Căn cứ.

Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về việc lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Nghị định số 04/2005/NĐ-CP ngày 11/01/2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Thông tư số 05/2013/TT-BKHĐT ngày 31/10/2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về hướng dẫn tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu;

Căn cứ Báo cáo thẩm định số 25/BC-HĐTĐ ngày 13 tháng 3 năm 2017 của Hội đồng thẩm định Quy hoạch về báo cáo kết quả thẩm định dự án Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Bàu Bàng đến năm 2025;

Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 26/TTr-SKHĐT ngày 27 tháng 3 năm 2017 về việc phê duyệt dự án Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội huyện Bàu Bàng đến năm 2025,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội huyện Bàu Bàng đến năm 2025, với những nội dung sau:

1. Quan điểm phát triển

- Phát triển kinh tế - xã hội huyện Bàu Bàng phải được thực hiện trong mối quan hệ với định hướng tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bình Dương.

- Dựa trên cơ sở khai thác những tiềm năng và lợi thế của huyện về vị trí địa lý, tài nguyên đất, tài nguyên khoáng sản; về chủ trương dịch chuyển công nghiệp



lên phía Bắc của tỉnh, cơ hội từ hội nhập kinh tế quốc tế. Phát triển kinh tế - xã hội huyện Bàu Bàng trên cơ sở đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế từ nông nghiệp sang công nghiệp và dịch vụ; phát triển kinh tế gắn với bảo vệ môi trường, đảm bảo an ninh trật tự, an toàn xã hội.

2. Mục tiêu phát triển:

a. Mục tiêu tổng quát: Phân đấu đến năm 2025, cơ cấu kinh tế của huyện Bàu Bàng sẽ chuyển dịch theo hướng công nghiệp – nông nghiệp – dịch vụ; đẩy mạnh phát triển công nghiệp – đô thị để Bàu Bàng trở thành trung tâm công nghiệp đô thị phía Bắc của tỉnh, phát triển công nghiệp hiện đại, ít thâm dụng lao động, thân thiện với môi trường; nông nghiệp phát triển theo hướng hình thành các trang trại trồng trọt, chăn nuôi tập trung quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao, bảo vệ môi trường gắn với xây dựng nông thôn mới; tập trung đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội – kỹ thuật đồng bộ, hiện đại; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phát triển văn hóa, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân, giải quyết tốt các vấn đề xã hội; giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội, tạo nền tảng để sớm trở thành đô thị xanh, thân thiện môi trường, văn minh, hiện đại.

b. Mục tiêu cụ thể:

- Về kinh tế:

+ Tốc độ tăng giá trị sản xuất nông nghiệp - lâm nghiệp - thủy sản giai đoạn 2016-2020 đạt bình quân 5%/năm; giai đoạn 2021-2025 đạt bình quân 4%/năm.

+ Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp giai đoạn 2016-2020 đạt bình quân 18%/năm; giai đoạn 2021-2025 đạt bình quân 22%/năm.

+ Tốc độ tăng trưởng tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ giai đoạn 2016-2020 đạt bình quân 24%/năm; giai đoạn 2021-2025 đạt bình quân 26,5%/năm.

- Về xã hội:

+ Tốc độ tăng dân số bình quân đạt 9,15%/năm giai đoạn 2016-2020 và 9%/năm giai đoạn 2021-2025;

+ Tỷ lệ lao động qua đào tạo chiếm 58% năm 2020 và 70% năm 2025.

- Về môi trường: 100% các khu, cụm công nghiệp đi vào hoạt động có hệ thống xử lý nước thải đạt quy chuẩn môi trường; Tỷ lệ che phủ cây xanh, cây lâm nghiệp và cây công nghiệp lâu năm đến năm 2020 đạt 60% và sau năm 2020 đạt 65%; Tỷ lệ chất thải rắn và chất thải y tế được thu gom và xử lý phân đấu đạt 100%; 100% các cơ sở mới sản xuất - kinh doanh có phương án xử lý ô nhiễm môi trường; Tỷ lệ dân số đô thị sử dụng nước sạch và tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 99,9%.

3. Nội dung quy hoạch:

3.1 Định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực chủ yếu.

a. Nông nghiệp – lâm nghiệp – thủy sản: Phát triển nông nghiệp toàn diện theo hướng nông nghiệp công nghệ cao trong lĩnh vực trồng trọt và chăn nuôi trong đó chăn nuôi là ngành chủ lực. Chú trọng ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất, đặc biệt quan tâm đến giống cây trồng và vật nuôi. Phát triển nông nghiệp

gắn với bảo vệ môi trường, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm trong trồng trọt và chăn nuôi.

b. Công nghiệp: Phát triển công nghiệp tập trung vào các ngành công nghiệp sạch, thân thiện với môi trường thuộc các lĩnh vực sản xuất thiết bị điện, điện tử - công nghệ thông tin, chế biến lương thực - thực phẩm... Phát triển các khu công nghiệp theo hướng tập trung, hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng; đẩy mạnh thu hút đầu tư vào các khu, cụm công nghiệp đã được quy hoạch.

c. Thương mại – dịch vụ: Phát triển thương mại - dịch vụ nhanh, hiệu quả theo hướng thu hút nhiều thành phần kinh tế tham gia; đẩy mạnh xúc tiến thương mại mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm. Đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng thương mại - dịch vụ hiện đại kết hợp với truyền thống bao gồm xây dựng mới và nâng cấp mạng lưới chợ, xây dựng mới siêu thị, trung tâm thương mại. Đầu tư hạ tầng kỹ thuật ngành dịch vụ như cảng ICD, viễn thông, kho bãi kết nối với tuyến Mỹ Phước – Tân Vạn.

d. Hạ tầng kỹ thuật:

- Hệ thống giao thông vận tải: Tập trung phát triển hệ thống giao thông nối liền các khu đô thị mới, các đô thị vệ tinh, các khu công nghiệp, các công trình đầu mối giao thông quan trọng, liên vùng, gắn kết chặt chẽ với các vùng trong tỉnh để hỗ trợ nhau phát triển đồng bộ, khai thác tốt nhất thế mạnh kinh tế - xã hội của toàn tỉnh.

- Thủy lợi: thực hiện tốt công tác quản lý, khai thác và bảo vệ các công trình thủy lợi nhằm phục vụ tốt nhất cho sản xuất nông nghiệp, phòng chống thiên tai, hạn hán, bão lụt...

- Hệ thống cấp điện, cấp – thoát nước: Phát triển lưới điện và trạm biến thế, bảo đảm điện năng phục vụ cho sản xuất và sinh hoạt, đặc biệt là cho các khu, cụm công nghiệp; Đầu tư tuyến ống cấp nước, phân phối và tuyến ống dẫn nước từ kênh chuyên nước từ hồ Phước Hòa qua hồ Dầu Tiếng; Đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước mưa bám sát địa hình tự nhiên và các sông, suối, rạch hiện hữu; Hệ thống thoát nước thải cần tăng cường giám sát môi trường, đầu tư hệ thống thu gom nước thải đồng bộ nhằm giải quyết triệt để việc tiêu thoát nước.

- Bưu chính - viễn thông:

+ Phổ cập đa dịch vụ đến các bưu cục, điểm bưu điện văn hóa xã, phát triển bưu chính theo hướng hoàn thiện chất lượng dịch vụ, cải thiện mạng lưới rộng hơn đưa mạng lưới đến gần khách hàng hơn với chất lượng cao hơn;

+ Đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông cần kết hợp đồng bộ với các công trình hạ tầng kỹ thuật khác. Đến năm 2020, phủ sóng thông tin di động băng thông rộng đến 100% địa bàn dân cư. Đến năm 2025, có 50% các tuyến đường được ngầm hóa mạng cáp viễn thông và phát triển theo xu hướng hội tụ trên một hạ tầng có thể tích hợp cung cấp nhiều dịch vụ khác nhau với tốc độ cao, chất lượng cao.

e. Các ngành, lĩnh vực văn hóa – xã hội.

- Ngành giáo dục, đào tạo: Huy động trẻ 5 tuổi vào mẫu giáo đạt 100%; xóa mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học 100%; Giáo dục tiểu học đảm bảo 100%



giáo viên đạt chuẩn, duy trì phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi đạt 100%; Giáo dục trung học cơ sở: 100% giáo viên đứng lớp đạt trên chuẩn, duy trì 100% xã đạt chuẩn quốc gia về phổ cập trung học cơ sở; 75% trường đạt chuẩn quốc gia.

- Đào tạo - dạy nghề: Nâng cao hiệu quả đào tạo và chất lượng dạy nghề đáp ứng được nhu cầu của doanh nghiệp. Thực hiện tốt công tác hướng nghiệp; kết hợp chặt chẽ nhiều hình thức đào tạo, tăng cường đào tạo trong và ngoài huyện, đưa đi đào tạo bên ngoài.

- Ngành y tế và chăm sóc sức khỏe: Đầu tư cải tạo, nâng cấp trung tâm y tế và các trạm y tế, mua sắm bổ sung trang thiết bị bảo đảm nhu cầu khám chữa bệnh.

- Ngành văn hóa thông tin – thể dục thể thao: Đầu tư đồng bộ các cơ sở vật chất phục vụ phát triển văn hóa, thể thao; tăng cường công tác bảo tồn, tôn tạo các di tích lịch sử, văn hóa, kết hợp với giáo dục truyền thống, du lịch.

3.2 Định hướng tổ chức không gian lãnh thổ và quy hoạch sử dụng đất

a) Phân vùng phát triển:

- Khu vực phát triển đô thị: Từ nay đến năm 2030, quỹ đất ở đã đảm bảo theo dự báo phát triển dân số đô thị khoảng 120 nghìn dân tại đô thị Bàu Bàng. Do đó từ nay đến năm 2020, phát triển các dự án dân cư cần tập trung vào chất lượng phát triển.

- Khu vực phát triển công nghiệp: Phát triển dựa trên động lực của khu công nghiệp Bàu Bàng và đô thị Bàu Bàng. Khu công nghiệp Bàu Bàng với quy mô 997,74ha đang hoạt động, khu công nghiệp Bàu Bàng mở rộng đang được đầu tư cơ bản. Định hướng trong thời gian tới sẽ xây mới khu công nghiệp Cây Trường 700ha, khu công nghiệp Lai Hưng 600ha.

- Khu vực phát triển nông nghiệp và nông thôn mới: Phân vùng sản xuất nông nghiệp theo hướng nông nghiệp đô thị, nông nghiệp kỹ thuật cao gắn với công nghiệp chế biến tỉnh Bình Dương. Loại hình nông nghiệp tùy theo đặc điểm riêng của từng vùng.

- Khu vực phát triển du lịch: Định hướng phát triển khu vực hồ Từ Vân 1 và 2 thành khu sinh thái, du lịch, nghỉ dưỡng.

b) Hành lang phát triển:

- Hành lang công nghiệp – đô thị dọc Quốc lộ 13 với chuỗi đô thị Bến Cát – Bàu Bàng, Chơn Thành... và hệ thống khu công nghiệp tập trung Mỹ Phước – Bàu Bàng – Nam Chơn Thành.

- Vành đai 5 từ thị xã Tân Uyên qua huyện Bắc Tân Uyên đi Phú Giáo – Bàu Bàng.

- Đường tạo lực Mỹ Phước – Bàu Bàng.

- Đường Bàu Bàng – Phú Giáo - Bắc Tân Uyên là tuyến mới đề xuất.

c) Tổ chức không gian đô thị và nông thôn:

- Không gian đô thị: Xác định khu công nghiệp đô thị Bàu Bàng là trung tâm thị trấn Bàu Bàng, thúc đẩy kết nối các khu vực chức năng trong đô thị nhằm tạo nên một tổng thể thống nhất với chức năng phát triển phù hợp.

- Trục cảnh quan - điểm nhấn đô thị: Bao gồm các tuyến đường vành đai, đường tỉnh, đường huyện là các tuyến đường chính trong đô thị. Chú trọng vào thiết kế cây xanh đường phố, đèn chiếu sáng để làm nổi bật các trục cảnh quang.

d) *Quy hoạch sử dụng đất*: Quy hoạch sử dụng đất khu, cụm công nghiệp đến năm 2020, huyện Bàu Bàng có 05 khu công nghiệp với diện tích khoảng 3.298 ha. Bên cạnh đó, các cơ sở công nghiệp nằm ngoài khu công nghiệp có diện tích là 175ha.

4. Danh mục dự án ưu tiên đầu tư:

(Có danh mục kèm theo)

5. Một số giải pháp chủ yếu thực hiện quy hoạch:

a) Thúc đẩy thu hút vốn đầu tư: Đổi mới cơ chế quản lý từ nguồn vốn ngân sách nhà nước góp phần tăng thu ngân sách nhà nước theo hướng bền vững và ổn định. Tăng cường huy động nhằm đa dạng hóa nguồn vốn đầu tư ngoài nguồn vốn ngân sách; chú trọng thu hút vốn đầu tư theo hình thức hợp tác công - tư (PPP); mở rộng mạng lưới tín dụng, hỗ trợ lãi vay để đầu tư sản xuất nông nghiệp.

b) Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực: Tăng cường công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao. Chú trọng tạo việc làm, nâng cao chất lượng việc làm, tăng thu nhập cho người lao động. Hỗ trợ vốn và phối hợp các doanh nghiệp để đào tạo nghề cho lực lượng lao động tại chỗ; đào tạo theo hình thức liên kết.

c) Thúc đẩy ứng dụng công nghệ kỹ thuật cao trong sản xuất: Đẩy mạnh công tác khuyến nông, áp dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học - công nghệ vào sản xuất nông nghiệp, kiểm soát chặt chẽ các hoạt động dịch vụ cung cấp giống; ứng dụng công nghệ trong thâm canh cây trồng, trong chăn nuôi và tăng cường công tác khuyến nông, bảo vệ thực vật, thú y.

d) Phát triển các ngành kinh tế - kỹ thuật: Phân vùng sản xuất và quy hoạch sử dụng đất nông nghiệp, quy hoạch đồng bộ, chỉ cấp giấy phép hoạt động cho trang trại chăn nuôi theo vùng đã được quy hoạch nhằm xây dựng những cơ sở phát triển bền vững, ổn định, tránh tình trạng di dời gây lãng phí đầu tư hoặc ô nhiễm không khí. Thực hiện chuyển đổi cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng hiện đại hóa, hình thành các vùng sản xuất chuyên canh, chú trọng phát triển các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh cao, có thị trường tiêu thụ ổn định.

e) Phát triển ngành công nghiệp: Công bố công khai quy hoạch các khu, cụm công nghiệp nhằm đảm bảo nguyên tắc thống nhất, hài hòa giữa các loại quy hoạch trên địa bàn huyện; có kế hoạch định hướng sản xuất, đầu tư cơ sở hạ tầng cho phát triển ngành công nghiệp và có sự theo dõi việc thực hiện theo quy hoạch và định kỳ rà soát thực tế phát triển để điều chỉnh cho phù hợp nhằm nâng cao hiệu lực trong chỉ đạo, quản lý.

f) Phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật: Tập trung tối đa mọi nguồn lực đầu tư để xây dựng hoàn chỉnh mạng lưới giao thông đô thị và nông thôn theo hướng hiện đại và đồng bộ với mạng lưới giao thông trong và ngoài tỉnh Bình Dương.

g) Giải pháp bảo vệ môi trường: Tập trung vào công tác quản lý môi trường, bảo vệ môi trường đối với các khu vực phát triển công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp, kiểm soát ô nhiễm từ nguồn dân sinh, kiểm soát ô nhiễm từ hoạt động nông nghiệp, kiểm soát ô nhiễm từ ngành y tế, kiểm soát ô nhiễm từ những ngành khác.

Điều 2. Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Bàu Bàng đến năm 2025 là cơ sở cho việc lập, trình duyệt và triển khai thực hiện các quy hoạch xây dựng; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và các quy hoạch khác có liên quan; các dự án đầu tư trên địa bàn huyện Bàu Bàng.

Điều 3. Giao Ủy ban nhân dân huyện Bàu Bàng căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ và phương hướng phát triển kinh tế xã hội của huyện trong Quy hoạch được duyệt tổ chức công bố quy hoạch; phối hợp với các Sở, ban, ngành liên quan chỉ đạo việc lập, trình duyệt và triển khai thực hiện theo quy định các nội dung sau:

1. Lập các kế hoạch trung hạn, hằng năm, các chương trình phát triển kinh tế - xã hội trọng điểm, các dự án cụ thể để tập trung đầu tư, ưu tiên bố trí nguồn vốn một cách hợp lý.

2. Nghiên cứu xây dựng, trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành một số cơ chế, chính sách phù hợp với yêu cầu phát triển của tỉnh trong từng giai đoạn, nhằm thu hút, huy động các nguồn lực để thực hiện Quy hoạch.

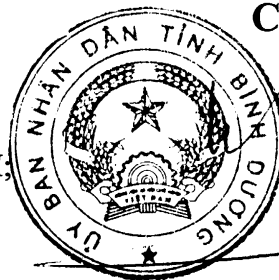
Điều 4. Các Sở, ban, ngành theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm hướng dẫn, hỗ trợ Ủy ban nhân dân huyện Bàu Bàng trong quá trình thực hiện Quy hoạch; nghiên cứu xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành một số cơ chế, chính sách để tổ chức thực hiện tốt các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội nêu trong Quy hoạch của huyện.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 6. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch UBND huyện Bàu Bàng, Giám đốc các Sở, ban, ngành tỉnh Bình Dương có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- TTTU, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như điều 6;
- LĐVP (Lg), Thi, Thg, KTN, KGVX, TH;
- Lưu: VT.



CHỦ TỊCH

Trần Thanh Liêm



DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ ĐẾN NĂM 2025 CỦA HUYỆN BÀU BÀNG

Quyết định số 897/QĐ-UBND, ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương

Tên dự án		2016 - 2020	2021 - 2025
I	Lĩnh vực y tế		
1	Trung tâm Y tế huyện Bầu Bàng	x	
2	Trạm y tế xã Lai Hưng, Trừ Văn Thố	x	
II	Lĩnh vực giáo dục		
3	Trung học cơ sở Trừ Văn Thố, tiểu học Bầu Bàng, trung học cơ sở Cây Trường,	x	
4	Tiểu học Trừ Văn Thố, mầm non Hưng Hòa, mầm non Long Nguyên, trung học cơ sở Bầu Bàng, mầm non Tân Hưng		x
5	Trung tâm bồi dưỡng chính trị	x	
III	Lĩnh vực văn hóa thể thao		
6	Trung tâm văn hóa thể thao huyện	x	x
7	5 Trung tâm văn hóa thể thao xã	x	
IV	Lĩnh vực các ngành kinh tế		
8	Khu công nghiệp Bầu Bàng mở rộng (giai đoạn 2)	x	
9	Khu công nghiệp Cây Trường	x	
10	Khu công nghiệp Lai Hưng	x	
11	01 siêu thị kết hợp với chợ khu công nghiệp Bầu Bàng		x
12	Xây dựng chợ Lai Uyên	x	
13	Xây mới chợ Lai Hưng	x	
14	Nâng cấp mở rộng chợ ấp 4 xã Trừ Văn Thố	x	
V	Lĩnh vực hạ tầng cơ sở		
15	Trung tâm hành chính	x	
16	Trụ sở xí nghiệp công trình công cộng	x	
17	Nghĩa trang liệt sĩ	x	
18	Đầu tư đường Mỹ Phước – Bầu Bàng	x	
19	Đầu tư đường Bắc Tân Uyên – Phú Giáo – Bầu Bàng	x	
20	Đầu tư nâng cấp đường ĐT 749A	x	
21	Đầu tư nâng cấp đường ĐT 749C	x	
22	Đầu tư nâng cấp đường ĐT 741B	x	
23	Xây dựng, nâng cấp đường giao thông nông thôn	x	
24	Hệ thống chiếu sáng của các tuyến đường lớn	x	
25	Thực hiện khai thông, nạo vét các sông suối	x	

Ghi chú: Về vị trí, quy mô, diện tích chiếm đất, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các dự án nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động các nguồn lực của từng giai đoạn./.

